

Số: *3628* /BNN-TCTS

Hà Nội, ngày *15* tháng 5 năm 2018

V/v rà soát kế hoạch đầu tư thực hiện
Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế
thủy sản bền vững giai đoạn 2018-2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020 (*sau đây viết tắt là Chương trình*). Triển khai thực hiện Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025”,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương một số nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tại địa phương giai đoạn 2016-2017. Rà soát, đánh giá sự phù hợp về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của từng dự án sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình đã đầu tư hoàn thành trong giai đoạn 2016-2017 và dự án thực hiện giai đoạn 2018-2020 đảm bảo phù hợp với nội dung Chương trình được duyệt (*tại Mục I, II, III, Điều 1, Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017*).

2. Trên cơ sở kết quả rà soát trên, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư Chương trình giai đoạn 2018-2020 (*nếu xét thấy chưa phù hợp*) để đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra của Chương trình, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (*Mẫu Báo cáo chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Văn bản được gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Tổng cục Thủy sản - Số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội*) trước ngày 15/6/2018 để Bộ tổng hợp theo dõi tình hình thực hiện Chương trình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thủ trưởng Hoàng Văn Thắng;
- Vụ KH (Bộ NN&PTNT);
- Sở NN&PTNT các tỉnh/thành phố;
- Lưu: VT, TCTS (135b).



**MẪU RÀ SOÁT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ
THỦY SẢN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Kèm theo văn bản số ~~3628~~³⁶²⁸/BNN-TCTS ngày 15/5/2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2017

1. Kế hoạch đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 :

a) Báo cáo tổng hợp kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 thực hiện Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại các Quyết định: số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017; số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017... Phân tích, đánh giá khả năng đáp ứng của kế hoạch được giao so với nhu cầu thực tế tại địa phương... - *Báo cáo chi tiết theo Biểu mẫu số 01 kèm theo.*

b) Báo cáo tình hình phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình các năm 2016; 2017; 2018 - *Báo cáo chi tiết theo Biểu mẫu số 02 kèm theo.*

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2017:

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2017 thuộc Chương mục theo các nội dung sau:

a) Khối lượng thực hiện, giá trị thanh toán, giải ngân các năm 2016 và năm 2017 theo từng dự án (báo cáo rõ các nguồn vốn thực hiện: vốn NSTW do Bộ quản lý; vốn NSTW do tỉnh quản lý; vốn NSDP và vốn khác) - *Báo cáo chi tiết theo Biểu mẫu số 03 và 04 kèm theo.*

b) Những tồn tại, hạn chế trong quản lý dự án, các khó khăn về kỹ thuật trong triển khai dự án, các vướng mắc về quy trình thủ tục trong quản lý đầu tư, năng lực nhà thầu thi công.

II. RÀ SOÁT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Rà soát kế hoạch đầu tư thực hiện Chương trình:

Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện rà soát, đánh giá sự phù hợp về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của từng dự án sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình đã đầu tư hoàn thành trong giai đoạn 2016-2017 và dự án và thực hiện giai đoạn 2018-2020 đảm bảo phù hợp với nội dung Chương trình được duyệt (tại Mục I, II, III, Điều 1, Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017): Dự án nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng 100% diện tích nuôi tập trung

thâm canh các đối tượng nuôi chủ lực đạt chứng nhận VietGAP hoặc chứng nhận tương đương; đầu tư cơ sở sản xuất giống hướng tới mục tiêu đáp ứng 100% giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực, 100% giống tôm sú, tôm chân trắng, cá tra là giống sạch bệnh được sản xuất trong nước; các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầu tư theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ...

Trường hợp các Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư giai đoạn 2016-2020 chưa phù hợp với mục tiêu, đối tượng của Chương trình, đề nghị báo cáo cấp có thẩm quyền (Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...) xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2018-2020:

Trên cơ sở kết quả thực hiện rà soát về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ các dự án đầu tư thuộc Chương trình đảm bảo phù hợp với nội dung được duyệt tại Điều 1, Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư Chương trình giai đoạn 2018-2020 *(nếu xét thấy chưa phù hợp)* như sau:

a) Nguyên tắc điều chỉnh kế hoạch:

- Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư các dự án phải phù hợp với mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ Chương trình được duyệt tại Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sau khi điều chỉnh các dự án đầu tư giai đoạn 2018-2020 thuộc Chương trình phải phù hợp tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và nguồn vốn từ ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư theo chính sách đầu tư quy định tại Điều 3, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

- Nguồn vốn đầu tư từ Chương trình chỉ phân bổ cho các dự án có mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ phù hợp với nội dung được duyệt của Chương trình *(như khoản 1, Mục 2 nêu trên)*.

b) Việc điều chỉnh kế hoạch vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch.

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt

- Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu

tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

c) Nội dung đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2018-2020: Theo Biểu mẫu 02 tại Phụ lục kèm theo văn bản số 82/BNN-TCTS ngày 04/01/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, danh mục dự án đề xuất tổng hợp tại **Biểu mẫu số 05** kèm theo.

III. CÁC TÀI LIỆU GỬI KÈM

Văn bản báo cáo, đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư thực hiện chương trình giai đoạn 2018-2020 gửi kèm theo các hồ sơ/tài liệu sau:

1) Quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 thực hiện Chương trình cho địa phương (số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017; số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017).

2) Quyết định của UBND tỉnh/thành phố

- Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 thực hiện Chương trình tại địa phương (Bao gồm: Quyết định giao vốn ngân sách Trung ương; Quyết định giao vốn ngân sách của tỉnh và vốn khác);

- Giao kế hoạch đầu tư công trung các năm 2016; 2017; 2018 thực hiện Chương trình tại địa phương (Bao gồm: Quyết định giao vốn ngân sách Trung ương; Quyết định giao vốn ngân sách của tỉnh và vốn khác);

3) Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư đối với các dự án thuộc danh mục đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 của tỉnh/thành phố./.

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG
 (Kèm theo văn bản số **3628** /BNN-TCTS ngày **15/5/2018** của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/điều chỉnh cuối cùng					Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được giao				Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
						NSTW	NSDP	Vốn khác		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
	TỔNG SỐ																	
I	DỰ ÁN HOÀN ỨNG																	
1	Dự án ...																	
2	Dự án ...																	
...																	
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																	
1	Dự án ...																	
2	Dự án ...																	
...																	
III	DỰ ÁN TRẢ NỢ XDCB																	
1	Dự án ...																	
2	Dự án ...																	
...																	
IV	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP																	
1	Dự án ...																	
2	Dự án ...																	
...																	
V	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI																	
1	Dự án ...																	
2	Dự án ...																	
...																	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN - CÁC NĂM 2016; 2017
(Kèm theo văn bản số 3628/BNH-TCTS ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng																								
TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng					Năm 2016						Năm 2017						Lấy kế vốn bổ trí và khai công đến hết năm 2017		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Kế hoạch vốn được giao			Kết quả thực hiện giải ngân			Kế hoạch vốn được giao			Kết quả thực hiện giải ngân						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							NSTW	NSDP		Vốn khác	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW	NSDP			NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG SỐ																							
I	DỰ ÁN HOÀN ỨNG																							
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	...																							
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																							
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	...																							
III	DỰ ÁN TRẢ NỢ XDCB																							
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	...																							
IV	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP																							
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	...																							
V	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI																							
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	...																							

Biểu mẫu số 04:

KHUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG

(Kèm theo văn bản số *3628* /BNN-TCTS ngày *15/5/2018* của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung/chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch			Tình hình đầu tư	Nguồn lực thực hiện (Triệu đồng)			
		Giai đoạn 2016-2020	Trong đó: Thực hiện năm 2016- 2017	Trong đó: Dự kiến thực hiện năm 2018-2020		Số lượng dự án	Tổng nguồn kinh phí	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSĐP
1	Nuôi trồng thủy sản								
1.1	Tổng diện tích vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh (ha)				* Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020:				
1.2	Tổng diện tích vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chuẩn VIETGAP hoặc tương đương (ha)				Trong đó:				
	Trong đó:				- Thực hiện năm 2016:				
	- Tôm:				- Thực hiện năm 2017:				
	- Cá Tra:				- Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020:				
	- Khác:								
2	Giống thủy sản								
2.1	Số lượng các Trung tâm giống; các vùng sản xuất giống tập trung trên địa bàn tỉnh:				* Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020:				
2.2	Số lượng con giống các đối tượng chủ lực có chất lượng chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm trên địa bàn (tỷ con):				Trong đó:				
2.3	Tỷ lệ giống các đối tượng chủ lực có chất lượng chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm trên địa bàn (%):				- Thực hiện năm 2016:				

STT	Nội dung/chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch			Tình hình đầu tư	Nguồn lực thực hiện (Triệu đồng)			
		Giai đoạn 2016-2020	Trong đó: Thực hiện năm 2016- 2017	Trong đó: Dự kiến thực hiện năm 2018-2020		Số lượng dự án	Tổng nguồn kinh phí	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSDP
	Trong đó:				- Thực hiện năm 2017:				
	- Tỷ lệ tôm giống sạch bệnh chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm:				- Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020:				
	- Tỷ lệ cá Tra giống sạch bệnh chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm:								
3	Chương trình đầu tư cảng cá								
3.1	Số lượng cảng cá:				* Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020:				
	- Tổng số cảng cá theo quy hoạch được duyet				Trong đó:				
	- Số lượng cảng đã thực hiện đầu tư hoàn thành:				- Thực hiện năm 2016:				
	- Số lượng cảng hiện đang thực hiện đầu tư:				- Thực hiện năm 2017:				
	- Số lượng cảng chưa thực hiện đầu tư				- Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020:				
3.2	Công suất cảng cá (Số lượt ngày/cỡ loại lớn nhất; Lượng thủy sản qua cảng T/năm):								
	- Tổng công suất cảng cá theo quy hoạch được duyệt:								
	- Công suất cảng cá (đã được đầu tư hoàn thành):								
	- Công suất cảng cá (hiện đang thực hiện đầu tư):								

STT	Nội dung/chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch			Tình hình đầu tư	Nguồn lực thực hiện (Triệu đồng)			
		Giai đoạn 2016-2020	Trong đó: Thực hiện năm 2016-2017	Trong đó: Dự kiến thực hiện năm 2018-2020		Số lượng dự án	Tổng nguồn kinh phí	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSDP
3.3	Lượng tàu khai thác trên địa bàn (chiếc):								
	- Lượng tàu khai thác của địa phương:								
	- Lượng tàu khai thác của các tỉnh khác:								
3.4	Lượng tàu khai thác xa bờ trên địa bàn được cung cấp bản tin dự báo ngư trường (chiếc):								
4	Chương trình đầu tư Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								
4.1	Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá:				* Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020:				
	- Tổng số Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy hoạch được duyệt:				Trong đó:				
	- Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đã thực hiện đầu tư hoàn thành:				- Thực hiện năm 2016:				
	- Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá hiện đang thực hiện đầu tư:				- Thực hiện năm 2017:				
	- Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá chưa thực hiện đầu tư:				- Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020:				
4.2	Công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (Số lượng tàu/cỗ tàu):								
	- Tổng công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy hoạch được duyệt:								
	- Công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (đã được đầu tư hoàn thành):								

STT	Nội dung/chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch			Tình hình đầu tư	Nguồn lực thực hiện (Triệu đồng)			
		Giai đoạn 2016-2020	Trong đó: Thực hiện năm 2016- 2017	Trong đó: Dự kiến thực hiện năm 2018-2020		Số lượng dự án	Tổng nguồn kinh phí	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSDP
	- Công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (hiện đang thực hiện đầu tư):								
5	Thực hiện quy hoạch khu bảo tồn								
5.1	Khu bảo tồn biển (khu):				* Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020:				
	- Tổng số Khu bảo tồn biển theo quy hoạch trên địa bàn:				Trong đó:				
	- Số khu bảo tồn biển được xây dựng quy hoạch chi tiết				- Thực hiện năm 2016:				
	- Số khu bảo tồn biển được phê duyệt đưa vào hoạt động				- Thực hiện năm 2017:				
5.2	Khu bảo tồn vùng nước nội địa:				- Dự kiến thực hiện giai đoạn 2018-2020:				
	- Tổng số Khu bảo tồn vùng nước nội địa theo quy hoạch trên địa bàn:								
	- Số khu bảo tồn vùng nước nội địa được xây dựng quy hoạch chi tiết:								
	- Số khu bảo tồn vùng nước nội địa được phê duyệt đưa vào hoạt động:								

[illegible]